

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ (dưới đây gọi là “Công ty”) quy định về các vấn đề liên quan đến tổ chức, quản lý và điều hành của Công ty, được thành lập theo Luật doanh nghiệp, và theo Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, về việc chuyển Công ty Nông sản thực phẩm xuất khẩu Tp Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ.

Điều lệ này và các quy định của công ty nếu đã được thông qua một các hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày ...tháng năm 2016.

Điều 1. Tên, Hình thức, trụ sở, chi nhánh và thời hạn hoạt động của công ty

1. Tên Công ty:

- a. Tên tiếng việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ**
- b. Tên tiếng anh: **CANTHO AGRICULTURAL PRODUCTS AND FOODSTUFF EXPORT JOINT STOCK COMPANY**
- c. Tên giao dịch viết tắt : **MEKONIMEX/NS**

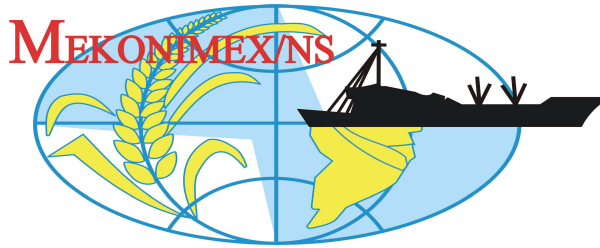
2. Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ: 152-154 Trần Hưng Đạo, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại : 0710. 3832059 / 3835543

Fax : 0710. 3832060

Biểu tượng (logo):



Email : mekonimex.ns-ct@vnn.vn

3. Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
4. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ.
5. Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và các nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị của công ty.
6. Hình thức: Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật khác.
7. Thời hạn hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 53 và 54, Điều lệ này, Thời hạn của Công ty bắt đầu kể từ ngày thành lập và không xác định thời hạn chấm dứt.

Điều 2. Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Thu mua, bảo quản, xay xát, chế biến, nuôi trồng, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực, nông sản, thực phẩm, thủy sản; sản xuất và kinh doanh hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da; xuất nhập khẩu lương thực, nông sản, thủy

sản và cung ứng các loại vật tư thiết bị chuyên dùng cho sản xuất kinh doanh của ngành lương thực, thực phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng lương thực, nông sản, thủy hải sản, vật tư nông nghiệp, phân bón và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu khác; nhập khẩu ngô, lúa mỳ, bột mỳ và các mặt hàng tiêu dùng; sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại nguyên liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc; nuôi, chế biến thủy hải sản; sản xuất và kinh doanh bao bì giấy, thùng carton; dịch vụ cho thuê kho bãi; kinh doanh bất động sản; đại lý kinh doanh xăng dầu; hoạt động và đầu tư tài chính; kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống hoặc quán ăn uống bình dân; kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công nghiệp.

3. Phạm vi sản xuất kinh doanh và hoạt động

- a. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- b. Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho công ty.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN – CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 3. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Các cổ phần của công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 8 Điều lệ này.
2. Vào ngày thông qua bản Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **110.000.000.000 VNĐ** (*Một trăm mười tỷ đồng Việt Nam*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

3. Vốn Nhà nước tại công ty do Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) quản lý, việc bán vốn của SCIC không phải là bán vốn của cổ đông sáng lập và không phải thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng (Theo Điều 14, Nghị định 151/2013/NĐ-CP của Chính phủ)
4. Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Khi Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
7. Công ty cũng có thể mua cổ phần của chính mình theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 4. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Mọi cổ đông công ty đều được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu công ty và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của công ty hoặc trong vòng hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều kiện phát hành quy định) thì người sở hữu cổ phần sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện là phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.
6. Khi công ty niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán thì căn cứ các quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 5. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
3. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết (theo quy định của pháp luật) sẽ được công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 6. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế

- trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho công ty .
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
 3. Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
 4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.
 5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho công ty cộng với lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
 6. Khi một cổ phần đã được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 7: Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Ban kiểm soát;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban Tổng Giám đốc;
- d. Các cấp thừa hành khác.

Trong hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của công ty có thể được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu thực tế nhằm đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

CHƯƠNG IV

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 8. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự hoặc ủy quyền người khác tham dự trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;
 - b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và có quyền yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và sau các cổ đông ưu đãi (nếu có);
 - g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 129 của Luật doanh nghiệp; và
 - h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 3 Điều 20 và Khoản 4 Điều 34 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Nghĩa vụ của các cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế; các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định;
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 10. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và kế hoạch cho năm tài chính tiếp theo.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy số vốn Điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - d. Việc miễn trừ thủ tục thực hiện chào mua công khai của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng trong trường hợp tổ chức, cá nhân này thuộc đối tượng phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
 - e. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - f. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Bộ máy quản lý

điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

4. Thẩm quyền triệu tập Đại Hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm d, điểm e Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày tiếp theo. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm e Khoản 3 của điều này có thể triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - e. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.

Điều 11. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị và Giám đốc;
 - d. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - d. Định hướng phát triển của Công ty
 - f. Mức cổ tức của từng loại cổ phần;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền;
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức được thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - d. Lựa chọn đơn vị kiểm toán;
 - g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;

- i. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - k. Chia, tách, hợp nhất hoặc chuyển đổi Công ty;
 - l. Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông của công ty;
 - o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - p. Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị của Công ty tính theo sổ sách kế toán; và các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một quyết định nào để thông qua:
- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 12. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 13. Thay đổi các Quyền

1. Với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Khoản 1 Điều 12 Điều lệ này, khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì theo Luật doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của các cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với sự phê chuẩn bằng việc thông qua quyết định bởi những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.
2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng nếu tại cuộc họp không có đủ số đại biểu nêu trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện như quy định tại Điều 16 và Điều 18 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại

Điều 14. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội đồng cổ đông;
 - c. Thông báo và gửi thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi chậm nhất 10 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 8 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa và chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên;
 - c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và
 - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các quyết định hoặc không phù hợp hoặc phạm vào điều cấm của pháp luật.
6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 15. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội thì được triệu tập Đại hội lần thứ 3 trong thời hạn 20 kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Điều lệ này khi có đề nghị của Chủ tọa.

Điều 16. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi cổ đông đã thực hiện việc đăng ký xong, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên thẻ biểu quyết có ghi mã số cổ đông, họ và tên cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền, số cổ phần và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Trường hợp cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa Đại hội do Hội đồng quản trị triệu tập; Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa đại hội và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa đại hội;
 - b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa đại hội và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa đại hội;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký đại hội;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa đại hội;
5. Chương trình và nội dung đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.
6. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự đại hội;

7. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến Đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - a. Ở địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho các thành viên tham dự;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự đại hội tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự tại Đại hội;
 - d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội, thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
9. Chủ tọa của đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi Đại hội.
11. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp này, khi xác định địa điểm đại hội, Hội đồng quản trị có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (địa điểm đại hội chính);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm đại hội chính có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội tại địa điểm đại hội chính.

14. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành Đại hội cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại đại hội đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 17. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu của tất cả cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp tán thành.

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty;

- f. Tổ chức lại, sáp nhập, giải thể Công ty;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội cổ đông mà không thuộc khoản 2 Điều này.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này.

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trong các trường hợp sau:
 - a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - b. Thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo tình hình thực tế tại công ty;
 - c. Việc miễn trừ thủ tục chào mua công khai quy định tại Mục d, Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
 - d. Các vấn đề khác không trái với Luật doanh nghiệp hiện hành.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông và gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp hiện hành. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp hiện hành.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, Giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, Giấy chứng minh nhân dân, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
4. Quyết định được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại Khoản 1 của điều này có giá trị tương đương các quyết định do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các hoạt động sản xuất kinh

doanh và các công việc khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thì phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh trung hạn và hàng năm của công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 Luật doanh nghiệp hiện hành;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Đề xuất tăng, giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng cổ phần;
- i. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức, tổ chức việc chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo quy định pháp luật hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- l. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay và các loại hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị;
- n. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ

quản lý của công ty và quyết định tiền lương và các quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- p. Trình báo cáo quyết toán hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- q. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
- r. Quyết định cơ cấu tổ chức công ty và các đơn vị trực thuộc;
- s. Quyết định thưởng, các tiêu chuẩn và điều kiện được thưởng, mức thưởng bằng cổ phần hoặc bằng tiền hoặc bằng hình thức khác cho các cổ đông hoặc không phải là cổ đông của công ty nhưng nắm giữ các vị trí quản lý chủ chốt của công ty mà có nhiều công đóng góp cho sự phát triển của công ty;
- t. Hoàn tất các thủ tục đối với cá nhân, tổ chức đã nhận đã nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo đúng quy định của pháp luật;
- u. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty tại các công ty con, công ty liên kết do công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ, hoặc có cổ phần vốn góp chi phối theo quy định tại các Điều 45, 46, 47, 48, 49 Điều lệ này.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn

- a. Việc thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Việc thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 và Khoản 2 Điều 162 của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sát nhập, thuê tóm công ty và liên doanh) trừ trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp đều phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
- d. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tối thiểu phải có các nội dung sau:
- a. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
 - b. Hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty;
 - e. Các kế hoạch trong tương lai;
5. Các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều nếu không thỏa thuận được. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận từ công ty và công ty con, công ty liên kết mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
6. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không) hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của

Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
8. Khi thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên sẽ được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 20. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế theo phương thức bầu dồn phiếu.
3. Quyền đề cử các ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị của cổ đông

Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 01 thành viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên, từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết. Hội đồng quản trị đương nhiệm có

thể đề cử thêm ứng cử viên và phải được ông bố rõ ràng và phải được Đại hội cổ đông thông qua trước khi đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông công ty.

Điều 21. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực, hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 22. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể căn cứ vào trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của từng thành viên để phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.
2. Có quyền kiến nghị đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông áp dụng hình thức khiển trách, bãi nhiệm, cách chức các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành nếu các cá nhân đó có sai phạm trong công tác quản lý, đầu tư, điều hành sản xuất kinh doanh gây thiệt hại cho công ty.
3. Có vấn đề cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về chiến lược đầu tư trung và dài hạn của công ty và nhân sự Ban điều hành.
4. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, biểu quyết, kiến nghị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền.
5. Có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và các đơn vị trực thuộc.
6. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 23. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Một thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Trường hợp Người đại diện vốn của SCIC là thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc hoặc thành viên Ban kiểm soát công ty thì trường hợp và thời điểm chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc hoặc thành viên Ban kiểm soát công ty kể từ thời điểm chấm dứt tư cách theo quy định của cổ đông Nhà nước.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm qua một phần ba; trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm và nhiệm kỳ của thành viên này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 24. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Các quyền và nhiệm vụ nêu tại Điều 22 Điều lệ này;
 - e. Kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Triệu tập Ban điều hành họp theo định kỳ và báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
 - h. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
- a. Các quyền và nhiệm vụ nêu tại Điều 22 Điều lệ này;
 - b. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc được Hội đồng quản trị phân nhiệm và được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản.
 - c. Tham mưu, cố vấn các vấn đề liên quan đến chiến lược đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh, nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị.

Điều 25. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn :

- a. Giám đốc hoặc ít nhất ba người quản lý;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc
 - d. Đa số thành viên trong Ban kiểm soát.
3. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập ở Khoản 2 điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 4. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
 6. Thông báo và Chương trình họp: Các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 5 ngày làm việc trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.
 7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế quy định.
 8. Trưởng ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Mục 9b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền bỏ phiếu.
 - c. Theo quy định tại Mục 8d điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một Hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Tuyên bố lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt

(trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn một tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.
13. Trường hợp trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông / Hội đồng quản trị có nội dung phát sinh mà Người đại diện chưa xin ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu vốn Nhà nước (SCIC) thì đề nghị cuộc họp cho biểu quyết, quyết định sau.
14. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Quyết định bằng văn bản: Quyết định bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Những thành viên có quyền biểu quyết về quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Loại quyết định này có hiệu lực và giá trị như là một quyết định được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Quyết định có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

CHƯƠNG VI

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 26 Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một quyết định được thông qua một cách hợp thức.

Điều 2. Người quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định các cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu điều hành công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với Ban Tổng Giám đốc sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 28. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển

- dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
 3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 Luật doanh nghiệp.

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

1. Thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần có quyết định của Hội đồng Quản trị, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty. Đề nghị về số lượng và cán bộ quản lý quan trọng mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của những người quản lý đó.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động và những người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình trong công ty.
6. Tuyển dụng lao động.
7. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
8. Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.

9. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
10. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này, đúng với Hợp đồng lao động đã ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành mà trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty;
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
12. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
13. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với đa số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 30. Phó Tổng Giám đốc

1. Các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc trong số các cổ đông hoặc là người được Hội đồng quản trị thuê, tuyển dụng theo hợp đồng.
2. Phó Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc.
3. Phó Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Thực hiện các công việc theo sự phân công của Tổng Giám đốc phù hợp với lĩnh vực mình phụ trách;
 - b. Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị về chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng công ty.
 - c. Kiến nghị đến Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh có nguy cơ tiềm ẩn có thể gây thiệt hại cho công ty trong lĩnh vực mình phụ trách;
 - d. Chịu trách nhiệm liên đới với Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị về các nghiệp vụ kinh tế, đầu tư phát sinh làm thiệt hại cho công ty;

- e. Có quyền kiến nghị Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị thay đổi, tuyển dụng nhân sự, cách chức các cán bộ quản lý công ty;

Điều 31. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm là người được Hội đồng quản trị thuê, tuyển dụng theo hợp đồng.
2. Kế toán trưởng có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a. Thực hiện công việc của mình theo Luật kế toán và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - b. Tham mưu, cố vấn cho Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị về tổ chức bộ máy nhân sự kế toán tài chính của công ty. Kiến nghị thay đổi, tuyển dụng nhân sự của bộ phận tài chính kế toán lên Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị;
 - c. Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chính sách tài chính, chế độ kế toán liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
 - d. Thực hiện báo cáo tài chính của công ty cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị theo định kỳ quý, 6 tháng, năm. Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo kế toán và quyết toán của công ty theo quy định hiện hành;
 - e. Phân công và chỉ đạo trực tiếp các kế toán viên của công ty. Có quyền yêu cầu tất cả các bộ phận của công ty và các đơn vị trực thuộc chuyển đầy đủ, kịp thời những tài liệu, số liệu cần thiết cho công việc kế toán và kiểm tra của kế toán trưởng;
 - f. Tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
 - g. Tính toán và trích lập đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, cá quỹ để lại công ty và xác định các khoản tiền vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả;
 - h. Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ và đề xuất các biện pháp giải quyết, xử lý khi có các trường hợp thất thoát xảy ra;
 - i. Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán của công ty;

- j. Không được lập, ký duyệt hoặc báo cáo, chứng từ, tài liệu khi không có ý kiến của Tổng Giám đốc hoặc không phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước;
- k. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao;

Điều 32. Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của công ty và với một mức độ cần trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn Điều lệ.
3. Việc kê khai được quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi bổ

sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.
5. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
6. Căn cứ theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp Hợp đồng giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - d. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
7. Các Hợp đồng giao dịch giữa công ty và những đối tượng được quy định tại khoản 6 Điều này sẽ không bị vô hiệu khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định như sau:
 - a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này Tổng Giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

- b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản Doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trở lên. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông hoặc đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
8. Hợp đồng, giao dịch sẽ vô hiệu và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành khi giao kết và thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại khoản 7 Điều này, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên do Đại hội cổ đông bổ nhiệm theo phương thức bầu dồn phiếu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm và kiểm soát viên có thể được bầu lại vào mỗi kỳ Đại hội cổ đông với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán tài chính của công ty.
2. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau đây:
 - a. Lập báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội cổ đông;
 - b. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
 - c. Yêu cầu công ty cung cấp các thông tin liên quan;
3. Trường hợp kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền

và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được đề cử 01 thành viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 thành viên, từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử như trên vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm.

5. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp hiện hành;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần, không còn đủ năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính của công ty;
- e. Thành viên đó bị cách chức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Thành viên đó không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- g. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của kiểm soát viên quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

6. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định mỗi năm. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, khách sạn và các chi phí phát sinh

một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
3. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
4. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 36. Quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty trong công tác quản lý và điều hành; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính hàng năm.
3. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, sáu tháng, hàng năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép của kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

Điều 37. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ, và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 38. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Cụ thể như sau:
 - a. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và các đơn vị trực thuộc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác
 - b. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

- d. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
2. Công ty xây dựng cơ chế để đảm bảo thành viên Ban Kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.

CHƯƠNG VIII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông của công ty đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty, danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Điều lệ và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật phải được lưu tại trụ sở chính của công ty.

CHƯƠNG IX

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC

Điều 40. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội khác

Công ty có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức khác theo quy định hoạt động theo Hiệp pháp và pháp luật

Công ty tôn trọng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và Công đoàn hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, phù hợp với mục tiêu kinh doanh của công ty.

Điều 41. Công nhân viên và Công đoàn

Tổng Giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG X

QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC,

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 42. Đơn vị phụ thuộc

1. Công ty có các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng Quản trị quyết định thành lập, tổ chức, giải thể, bao gồm: chi nhánh và các đơn vị trực thuộc; được tổ chức, quản lý theo quy định của công ty và quy định của pháp luật hiện hành; hoạt động theo Điều lệ này và Quy chế của đơn vị do Giám đốc trình Hội đồng Quản trị phê duyệt.
2. Chi nhánh của công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của công ty, kể cả chức năng đại diện theo uỷ quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của công

ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Công ty con

1. Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp chi phối của công ty, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy chế quản lý hoạt động công ty con và Điều lệ của công ty con đó.
3. Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty con thông qua người đại diện phần vốn góp của công ty tại công ty con đó.
4. Hội đồng Quản trị công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ chủ yếu tại các công ty con như sau:
 - a. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp;
 - b. Yêu cầu người đại diện phần vốn góp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con;
 - c. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện phần vốn góp xin ý kiến về những vấn đề quan trọng theo quy định của công ty;
 - d. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình tại các công ty con;
 - e. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con;
 - f. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con;
 - g. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.
2. Hội đồng Quản trị quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp của mình tại các công ty này để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật, Điều

lệ này, quy chế quản lý hoạt động công ty con và điều lệ của công ty đó hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

Điều 45. Trách nhiệm của công ty đối với các công ty con, công ty liên kết

1. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua người đại diện quản lý phần vốn góp của công ty tại các công ty con, công ty liên kết để đảm bảo hiệu quả đầu tư vốn và thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển chung của công ty.
2. Hướng dẫn và phối hợp hoạt động kinh doanh giữa các công ty để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng công ty đơn lẻ không có khả năng thực hiện hoặc khó thực hiện hiệu quả;
3. Thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong công ty mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh;
4. Thực hiện các quyền chi phối của công ty đối với công ty con theo điều lệ của công ty bị chi phối.

Điều 46. Tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp của công ty

1. Người đại diện phần vốn góp của công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
 - b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
 - c. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - d. Có trình độ chuyên môn phù hợp về kinh tế, tài chính, kế toán hoặc trong lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty;
 - e. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
 - f. Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc công ty;
2. Người đại diện phần vốn góp của công ty tại công ty con, công ty liên kết được đề cử hoặc tham gia ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó phải có đủ tiêu

chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Người đại diện phần vốn góp của công ty tại các doanh nghiệp có vốn của công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Đại diện cho công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại các công ty con, công ty liên kết. Sử dụng quyền của người có cổ phần, vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của công ty;
- b. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty có vốn góp của công ty theo quy định của điều lệ công ty đó;
- c. Theo dõi, giám sát tình hình tài chính và kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty có vốn góp của công ty;
- d. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, Giám đốc công ty về tình hình tài chính, kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty có vốn góp của công ty; về hiệu quả sử dụng phần vốn góp của công ty và việc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị công ty giao;
- e. Xin ý kiến Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc công ty trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty con, công ty liên kết về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, dự án đầu tư; sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn và các vấn đề quan trọng khác. Trường hợp nhiều người được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp cùng tham gia Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc của công ty con, công ty liên kết thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến khi phát biểu và biểu quyết, nếu không thống nhất ý kiến phải báo cáo công ty để chỉ đạo;
- f. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị công ty về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng phần vốn góp của công ty tại các công ty con, công ty liên kết mà mình được giao trực tiếp quản lý. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, thiếu trách nhiệm, lợi dụng quyền hạn gây thiệt hại cho công ty và công ty thì phải chịu trách

nhiệm, bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý tài chính của công ty;

g. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại các Quy chế và Điều lệ công ty và quy định của pháp luật;

h. Người đại diện phần vốn góp của công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm và các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị công ty, Điều lệ của công ty con phù hợp với các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI

NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN, TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm (tính ngày dương lịch).

Điều 48. Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán của công ty.

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty được mở tài khoản tại bất kỳ Ngân hàng nào tại Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Quỹ Dự trữ, bổ sung Vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào Quỹ dự trữ để bổ sung Vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này sẽ thực hiện theo chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).

Điều 51. Cổ tức

1. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của công ty, nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan đến một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan đến một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép công ty thực hiện việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được.
7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho các cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.

CHƯƠNG XII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý khác;

Trong trường hợp này thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan tới tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án giải quyết.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do bên thua chịu.

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Sự bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 55. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- c. Thuế và các khoản phải nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XII

CON DẤU VÀ SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 56. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XIV

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XIV chương 58 điều, được cổ đông Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ nhất trí thông qua ngày ,.... tháng năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này sẽ thay thế Điều lệ đã được thông qua ngày 10/6/2015.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 Bản nộp tại Phòng đăng ký-Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - b. 05 Bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định.
 - c. 04 Bản lưu trữ tại Văn phòng công ty
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.
 4. Các bản chính và bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Hội đồng quản trị và đóng dấu giáp lai của công ty mới có giá trị.

Cần Thơ, ngày 10 tháng 6 năm 2015

Các thành viên Hội đồng quản trị ký tên

1- **Ông Lê Đình Bửu Trí** – Chủ tịch HĐQT

.....

2- **Ông Lê Văn Lung** – Phó Chủ tịch HĐQT

.....

3- **Ông Trần Đức Toàn** – Ủy viên HĐQT

.....